

# Các tầng lớp trong con người với khoa Tôn giáo đối chiếu [1]

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Trước hết tôi trân trọng cảm tạ ban tổ chức đã có nhã ý cho tôi được thuyết trình cùng quý vị trong một dịp quan trọng như hôm nay, quan trọng vì đánh dấu một thời gian ba năm tròn đối chiếu tôn giáo và mở màn cho một giai trình khảo sát mới.

Tôi rất phấn khởi vì thấy trong ba năm qua sự khảo cứu về các tôn giáo đã được diễn tiến hết sức nghiêm chỉnh, sự chia sẻ kinh nghiệm đời sống nội tâm trong tình huynh đệ cũng được thực thi một cách chân thành. Ngoài ra còn có nhiều diễn giả đã tỏ ra có những hiểu biết rất sâu rộng về các tôn giáo, đã tháo gỡ được nhiều then chốt đạo giáo, và đã phát quang được nhiều gai góc, cho Đại Đạo dần dần hiển lộ ra...

Đề tài tôi thuyết trình hôm nay là:

## CÁC TẦNG LỚP TRONG CON NGƯỜI VỚI KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU.

Có điều đáng chú ý là Ban nghiên cứu giáo lý hình như cũng đã bắt đầu thuyết trình mọi loạt bài về CON NGƯỜI theo nhãn quan của mọi đạo giáo. Đó thực là một sự trùng hợp ngẫu nhiên lý thú. Dầu sao thì bài thuyết trình này cũng sẽ không trùng phức với bài nào khác, vì đây là những riêng tư, những cảm nghĩ riêng tư, những cống hiến riêng tư của tôi đóng góp vào công cuộc tìm hiểu đạo giáo.

Nguyên tắc mà tôi theo khi soạn thảo đề tài này là: Trình bày về các tầng lớp con người làm sao cho giản dị nhất, đồng thời cũng để kiểm chứng nhất, dễ chứng nghiệm nhất, nhưng vẫn đem lại một cái nhìn hết sức bao quát, hết sức tinh tế về con người và đạo giáo.

Suốt hai mươi năm nay, ngay từ khi mới bước vào lãnh vực khảo sát các tôn giáo, tôi đã có một nhận định sơ khởi rằng: Nếu ta không hiểu rõ về con người, về bản thể con người, thì chúng ta không thể nào hiểu biết được thân thể và định mạng con người, cũng như không thể nào hiểu được bộ mặt đa dạng của các tôn giáo, cũng như không thể nào đánh giá được cho đúng đắn vai trò của các đạo giáo.

Chính vì thế mà cổ nhân Âu cũng như Á, khuyên ta trước hết phải BIẾT MÌNH.

Trên tiền điện nền thờ thành Delphes, có viết câu: GNOHTI SEAUTON, có nghĩa là BẠN HÃY BIẾT

MÌNH.

Mạnh Tử từ hơn 2000 năm nay cũng đã viết: «Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tánh dã. Tri kỳ tánh, tắc tri Thiên hĩ.» [2] 盡其心者知其性也。知其性則知天矣。

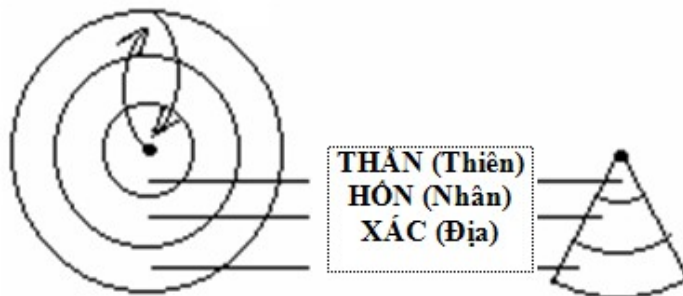
(Thấu triệt lòng sẽ hay biết tánh,  
Hay biết TÍNH nhất định biết TRỜI...)

Và gần đây, Ben Aliona một thánh hiền Hồi giáo, mất năm 1934 cũng đã viết: «Ai biết Chân thể mình sẽ biết Thượng đế. Ai khảo sát Chân thể mình một cách chăm chú, sẽ tiến gần đến Thượng đế.» [3]

Trong bài thuyết trình này tôi sẽ trình bày cùng quý vị hai sơ đồ về con người. Sơ đồ nào cũng có cái lý của nó.

SƠ ĐỒ 1

Sơ đồ 1 về con người của tôi như sau:



Sơ đồ trên có rất nhiều lợi ích.

\* Lợi ích thứ 1 là nó hết sức giản dị và rất dễ kiểm chứng. Chẳng hạn nó giản dị hơn quan niệm Thông Thiên học về con người với nhiều tầng lớp.

\* Lợi ích thứ 2 là giúp ta hiểu ngay được chân lý cốt cán mà thánh hiền kim cổ bất phân đạo giáo đều nhất luật chủ trương. Chân lý cốt cán đó là: Con người có Thiên Tính, trong cái vỏ Nhân còn có cái cốt Thiên.

Chính theo chiều hướng đó mà thánh Paul đã nói: «Chính Thần Chúa hợp với thần ta để chứng minh rằng chúng ta là những con Thiên Chúa.»(La Mã, 8,16).

Về phía đạo Nho, Kinh Thư đã viết:

Nhân tâm duy nguy, 人心惟危

Đạo tâm duy vi, 道心惟微

Duy tinh duy nhất, 惟精惟一

Doãn chấp quyết Trung. [4] 允執厥中

(Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,

Lòng con người điên đảo ngả nghiêng,

Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.)

Kinh BrHadaranyaka Upanishad có lời: «... Đấng ngự trong quần sinh, tuy vẫn khác biệt quần sinh. Đấng mà quần sinh chẳng biết, chẳng hay, Đấng mà quần sinh là thân xác, Đấng chi phối quần sinh từ phía bên trong, Đấng ấy là Đại Ngã của bạn, là đấng Chỉ Huy nội tại, trường sinh bất tử...» [5]

Về phía Phật giáo đại sư Vô Cấu Tử có bài kệ sau:

«Ngũ uẩn sơ đầu nhất đoạn không,

五蘊山頭一段空

Đồng môn xuất nhập bất tương phùng,

同門出入不相逢

Vô lượng kiếp lai nhằm ốc túc,

無量劫來賃屋住

Đáo đầu bất thức Chủ nhân ông.» [6]

到頭不識主人翁

(Đầu non ngũ uẩn một vầng không,

Vào ra cùng cửa chẳng tương phùng,

Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,

Tới nay nào biết chủ nhân ông...)

Âm Phù Kinh bên đạo Lão đã được mở đầu như sau:

«Thiên Tính nhân dã, 天性人也

Nhân tâm cơ dã, 人心機也

Lập Thiên chi đạo, 立天之道

Dĩ định nhân dã...» 以定人也

(Thiên tính là người,

Nhân tâm là máy,

Lập ra Thiên đạo

để định con người...)

Tập san Cao Đài Giáo Lý, số 85, trong bài QUI Y PHẬT có thơ:

Ai cũng muốn thành Tiên cho chóng,

Mà quên rằng Phật sống nơi tâm.

Đầu non chót núi vái thăm,

Hang cùng nẻo tận ráng tầm cho ra,

Sao không nhớ lại lời Cha,

Định tâm thì thấy có xa đâu nào.

Lại có thơ khác:

Tỉnh giấc chiêm bao ở trẻ bầy,

Đừng tìm non núi hoặc cung mây,

Cao Đài vốn ở lòng con đó,

Bỏ tính tham si sẽ gặp thầy.

Ta có thể mượn lời cựu tổng thống Ấn Độ là Radhakrishnan mà quảng luận thêm như sau:

«Chân thể, lồng trong tâm khảm muôn loài, chính là tinh hoa tâm hồn con người. Bé hơn hết mọi sự mà cũng lớn hơn hết mọi sự, tinh hoa ấy tiềm ẩn trong tâm vạn hữu. Cái học thuyết làm cho bộ kinh Áo Nghĩa Thư được nhiều người trên thế giới hay biết, đó là học thuyết TAT TVAM ASI (Con là Cái Đó). Vĩnh Cửu đã ở ngay trong con người, Thần Linh đã ngự trị nơi tâm khảm con người. Vị Thủy Tổ Muôn Loài, mà ngũ quan chẳng biết, chẳng hay, mà bao lớp lang hiện tượng như những bức màn vân vụ đã làm khuất lấp, vị Thủy Tổ ấy vẫn ngự trị, vẫn sống động trong tâm hồn con người.» [7]

\* Lợi ích thứ 3 là nhờ suy nghiệm được rằng: Trong mình có Trời, có bản tính Trời, có Chân Như Phật tính, con người đã nhận ra được giá trị siêu việt của mình làm cho mình trở nên trang trọng, đồng loại đồng chung trở nên trang trọng:

Chính vì thế mà Nho gia luôn luôn có một thái độ trang kính: «Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế!» [8] 出門如見大賓, 使民如承大祭 (Ra khỏi cửa trang trọng như đón khách quý, sai sứ dân nghiêm cung như hành đại tế...)

Xưa nay các vị đạt nhân, đạt đạo, vì tin tưởng rằng mọi người đều có Thiên tính, nên đã xác quyết rằng mọi người nếu biết đường tu luyện đều có thể đắc đạo, thành Tiên, Phật, Thánh.

Đạo Sinh (372-434) thời Nam Bắc Triều đã nói một câu bất hủ sau đây: «Xiển đề chi nhân, giai hữu Phật tánh, giai đắc thành Phật.» 闡提之人皆有佛性, 皆得成佛 (Những kẻ cùng hung cực ác, cũng đều có Phật tính, cũng có thể thành Phật.) [9]

Gần đây Radhakrishnan cũng viết: «Từ niềm xác tín rằng: Trong con người có Thần, ta suy ra rằng: Không một ai dù tội lỗi đến đâu, mà không thể được cứu rỗi không thể được giải thoát. Không nơi đâu mà trên khung cửa lại có viết rằng: ‘Vào đây là tuyệt vọng.’ Không có ai hoàn toàn xấu. Có lẽ những kẻ cùng hung cực ác là những con người bệnh hoạn, mà tình yêu đã mất mục phiêu chính đáng. Tất cả mọi người đều là con cái của sự trường sinh bất tử. Thần linh ở trong mọi người, như là phần thân thể mọi người, phần Chân Thể mọi người. Ở nơi một số người, thần linh ấy có thể bị vùi sâu, như một kho tàng chôn giấu dưới đồng gạch vỡ vụn, hoang tàn của thô bạo, hung hãn, nhưng thần linh ấy vẫn y nhiên là thần linh, vẫn sống động, vẫn sẵn sàng hiển lộ khi có thời cơ thuận tiện.» [10]

\* Lợi ích thứ 4 là cho ta thấy một cách sáng láng, rõ ràng rằng: Tìm ra được Chân Thể ấy dưới muôn lớp lang hiện tượng, và băng qua được muôn lớp lang hiện tượng, hình danh, sắc tướng để trở về được Chân Thể ấy chính là mục đích của con người và là tuyệt điểm của đạo giáo.

Đó là Đắc đạo, đó là Đắc Nhất, đó là Phối thiên, đó là đạt tới Niết Bàn, đó là TAT TVAM ASI «Con chính là Cái Đó.»

Thế là trở nên một, là kết hợp với Thiên Chúa theo các nhà huyền học Công giáo, hay Cơ Đốc giáo như Jean De La Croix, Thérèse d'Avila, Eckart, Tauler, Suso, Jacob Boehme (1575-1624) v.v... hay các nhà huyền học hồi giáo như Al-Hallag (?-922), Abu-Yazid, v.v...

Sự phối hợp này, theo Radhakrishnan, không thể giảng giải bằng những từ ngữ ngoại tại. Đây không phải là kính mến, không phải là thờ phượng Thượng Đế mà chính là một hoạt động có thể mô tả được như là ta lồng trong Chúa, Chúa lồng trong ta. Chính vì thế mà Chúa Jesus mới nói:

«Ai thấy ta, thì thấy Cha. Sao người có thể nói: Hãy chỉ cho tôi thấy Cha. Người há không tin rằng: ta ở trong Cha và Cha ở trong ta. Những điều ta nói cùng các người, không phải là tự ta nói, mà chính là Cha ở trong ta đã làm công việc. Hãy tin ta đi, ta ở trong Cha và Cha ở trong ta.» [11] Vị đại thánh Hồi giáo là Al-Hallag cũng nói y thức như vậy:

«Ta cùng với đấng ta yêu,  
Hai đấng là một không chiều qua phân,  
Một thân mà có hai thần,  
Thấy ta, thấy Chúa cũng ngần ấy thôi.» [12]

Abu-Yazid, một vị thánh Hồi giáo khác cũng đã viết: «Một hôm Thượng Đế đem tôi lên đặt trước mặt Ngài và phán: «Hỡi Abu-Yazid, tạo vật ta muốn thấy Con.» Tôi liền thưa: «Xin Chúa trang điểm con bằng sự duy nhất Chúa, xin hãy mặc cho con cá tính Chúa, xin hãy nâng con lên cho tới sự hợp nhất với Chúa để hể thấy Con, tạo vật sẽ nói: «Ta đã thấy Chúa. Và đó là Chúa chẳng còn có con nữa.» [13]

\* Lợi ích thứ 5 là nó cho chúng ta thấy rõ ràng 2 quan niệm khác nhau về con người, về Thượng Đế, về đạo giáo về định mệnh con người. Hai quan niệm khác nhau này đã chia rẽ nhân loại từ mấy nghìn năm nay, và cho đến bây giờ vẫn còn tiếp tục chia rẽ như vậy.

Một quan niệm thì chấp nhận thuyết Tam Tài về con người, nghĩa là tin rằng:

1. Trong nhân tâm còn có Thiên Tính, còn có Thần Linh hoạt động, còn có Thượng Đế ẩn áo ngự trị.
2. Và như vậy, Thượng đế chẳng ở đâu xa mà đã ở sẵn ngay trong tâm khảm con người, không hề rời ta được phút giây, vì Ngài chính là sự sống của ta. [14]

3. Đạo giáo chỉ cốt dạy con người rũ bỏ phàm tâm, để mặc lấy thiên tâm, thiên tính, để kết hợp nên một với Trời, để có thể nói như Chúa Jesus:

«Ta ở trong Cha và Cha ở trong ta.» (Joan, 14,9,10) hay như thánh Paul: «Tôi sống chẳng phải là tôi sống, mà là Chúa sống trong tôi.» (Galates, 2,20)

4. Nếu con người đã có sẵn Thiên Tính tàng ẩn nơi tâm, thì có thể tự giải thoát mình bằng sự bừng tỉnh tâm linh, giác ngộ bản tính. Thế tức là: Minh tâm kiến tính thoát luân hồi. (Phật giáo); thế tức là Bát Nhã Ba La Mật; thế tức là Viên Giác (Gnose) của các nhà huyền học đông tây.

5. Định mệnh sang cả của con người là sau trước sẽ trở thành Thần Linh, sẽ thực hiện được Chân Như, Chân Thể sẽ Phối Thiên. Ai hay thì đạt đích trước, ai dở thì đạt đích sau. Ai hay thì đạt đích trong một đời, ai dở thì đạt đích sau nhiều hay rất nhiều kiếp. Nhưng chung cuộc, nhưng rốt ráo thì ai cũng như ai. Đó chính là thuyết: Vạn hữu chung cuộc sẽ phục hồi nguyên thể của các nhà huyền học Đông Tây, mà Origène một giáo phụ Công giáo (thế kỷ thứ 3, mất khoảng 253 hay 254) gọi là Apocastatase Universelle. [15]

Quan niệm thứ hai cho rằng:

1. Con người chỉ có xác và hồn, chứ không có Thần, do đó con người chỉ có Nhân Tính, chứ không có Thiên Tính.

Cộng đồng Latran IV (1215) và Vatican I (1869-1870) đã xác định con người chỉ có hai phần hồn và xác, và không chấp nhận quan niệm tam tài của Platon, của phái Manichéens, của phái Gnostiques, của phái Apollinaristes, v.v... [16]

Do đó Thần Linh hay Thượng Đế không thể nào có được thường xuyên nơi tâm hồn con người. Ngài ngự trên thiên đường huy hoàng rực rỡ, xa cách hồng trần muôn vạn dặm, luôn sống trong hoan lạc âu ca, giữa muôn tiếng tung hô, xưng tụng của thần thánh, hay cùng lắm là ngự nơi những giáo đường nguy nga đồ sộ. Do đó, đạo giáo cốt là dạy con người thời phượng kính sợ, van vái, khẩn cầu Thượng Đế, đáng oai nghiêm, công thẳng, chí tôn vô đối đó, chịu lụy Ngài, làm tôi Ngài, để sau này được lên thiên đàng, hướng Thiên nhan, cùng thần thánh muôn đời ca tụng Ngài.

Do đó, con người không thể kết hợp với Trời, và bao giờ cũng như bao giờ Trời người xa cách nhau muôn trùng, vì bản thể đôi đàng cách biệt nhau hết sức.

Do đó, nhân loại xưa cũng như nay, chỉ là thứ nhân loại sa đọa, dơ dáy, xấu xa, cần được thương xót, cần được cứu vớt bằng hồng ân Thượng đế, bằng ơn cứu chuộc, bằng máu cực thánh Ngôi Hai giáng thế...

Và như con người có tốt xấu khác nhau, thì định mệnh con người có sướng khổ khác nhau. Sau một kiếp người thử thách, nếu tốt thì lên thiên đường hưởng phúc đời đời, nếu xấu thì sa đọa địa ngục hỏa hào muôn đời muôn kiếp...

Phương cách trình bày trên đây đã làm nổi bật lên một cách hết sức rõ rệt rằng: sự khác biệt giữa các tôn giáo đông tây, giữa các môn phái công truyền và mật truyền xưa nay thực ra cũng chỉ xoay quanh hai vấn đề trên: hai quan niệm trên về con người.

Ta có thể nhận định một cách khái quát như sau:

- Các phái huyền tông, mật giáo theo quan niệm 1, nghĩa là theo quan niệm Tam Tài về con người.
- Các đạo giáo công truyền, ngoại giáo đều theo chủ trương 2, nghĩa là theo quan niệm lưỡng nguyên về con người. Người là người, Trời là Trời, không thể trộn lẫn.

Chẳng hạn như ở Hy Lạp xưa, thì các phái mật tông của Dionysos, hay của Orphée đều theo quan niệm 1, cho rằng con người có thể trở thành thần minh, còn phái theo Homère và quần chúng Hy Lạp thì cho rằng con người vĩnh viễn chỉ là con người...

Cũng nên thêm rằng xưa nay Hiền Thánh, Tiên, Phật đều nhất luật theo quan niệm 1.

Cho nên điều tối quan trọng đối với chúng ta, khi khảo sát, khi đối chiếu tôn giáo, là phải cân nhắc, là phải suy cứu về hai quan niệm nói trên, để rồi ra dứt khoát lập trường, lựa chọn cho mình một niềm tin, và một hướng tiến.

\* Lợi ích thứ 6 là sau khi đã xác định rằng Thần Minh chính thực đã nội tại, đã tiềm ẩn nơi lòng sâu mỗi một con người, nếu ta vẽ thêm vào sơ đồ trên hai hướng tiến: Hướng ngoại, hướng nội, thì sơ đồ trên sẽ giúp ta đánh giá được mọi hoạt động của con người, mọi hoạt động của đạo giáo.

Hướng ngoại cốt là để phục vụ tha nhân và ngoại cảnh.

Hướng nội cốt là để phục hồi Thiên Tính, trở về Thiên vị, chính vị.

Trong bài Trung Thu mẹ nhủ con hiền, do đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu giáng cơ ngày 1 tháng 10- 1972 và đăng trong Cao Đài Giáo Lý số 80, nơi trang 6, có đoạn sau:

«Biết rằng đời tu thân hành đạo của các con phải có hai phần: Một là hướng ngoại, hai là hướng nội.

Hướng ngoại để liên ái đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm học hỏi, làm phương tiện để cầu tiến. Còn hướng nội để các con lắng nghe tiếng nói của lương tâm lời dặn dò của bản linh chân tánh, cái Chân lý của tâm linh.

Hướng nội để các con rời bến mê đến bến giác mới mong trở về cùng Thầy cùng mẹ, hay nói một cách khác trở về cùng khối Đại Linh Quang...»

Thánh hiền xưa nay đều nhất luật chủ trương như vậy. Nói lại cho rõ hơn: Con đường tìm đạo, tìm trời, con đường giải thoát, con đường từ phù sinh khổ ải dẫn tới Niết Bàn tất yếu phải là con đường Nội Tâm.

Katha Upanishad đã viết:

«Đại Ngã trở cửa giác quan thông ra phía ngoài,  
Cho nên người ta nhìn ra ngoài, mà không biết nhìn vào trong lòng mình.  
Có vài kẻ khôn ngoan, trong khi đi tìm trường sinh bất tử,

Nhờ nội quan quán chiếu đã trực diện quan chiêm được Đại Ngã.» [\[17\]](#)

Chandogya Upanishad viết: «Bao quát mọi hoạt động, bao quát mọi ước mơ, bao quát mọi hương vị, bao quát cả hoàn vũ này, mà vẫn vô ngôn, vô ý đó là Đại Ngã của tôi, lồng trong tâm khảm tôi, đó là Brahman Thượng Đế. Sau khi từ biệt cõi trần này tôi sẽ thể nhập vào trong Ngài...» [\[18\]](#)

Thánh Thomas d'Aquin đã nói: «Nhiều tâm hồn thật hết sức là mù quáng, hết sức là điên cuồng. Họ luôn luôn tìm cầu Thượng đế, khao khát ước mơ Thượng đế, trong khi mà tâm hồn họ thực ra lúc nào cũng là tòa ngai Thượng đế, vì tâm hồn họ chính là nơi sở cư của Thượng đế.» [\[19\]](#)

Lục Tổ Huệ Năng cũng thường đề cập đến bí quyết: «Tìm Phật ở đáy lòng.» Ngài nói: «Phật tự tính trung tác, mạc hướng thân ngoại cầu.» 佛自性中作, 莫向身外求. [\[20\]](#)

(Phật do trong tính khởi lên,

Chớ đừng vất vả kiếm tìm ngoài thân.)

Bồ Đề Đạt Ma sư tổ, vị sáng lập Thiền Tông tại Trung Quốc, là người tha thiết nhất với vấn đề đi vào nội tâm để tìm Phật tính, tìm Bồ đề, Niết bàn. Ngài chủ trương: «Bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật.» 不立文字直止人心, 見性成佛.

Lĩnh hội vi ý sách Đạt Ma Huyết Mạch Luận [\[21\]](#) ta có thể thu tóm tư tưởng của ngài Bồ Đề Đạt Ma bằng mấy vần thơ sau đây:

Chân tâm bao quát đất trời,  
Xưa nay chư Phật chẳng ngoài Chân tâm.  
Chẳng cần lập tự lập văn,  
Trước sau chư Phật tâm tâm tương truyền.  
Tâm ta gồm mọi sự duyên,  
Mọi đời sau trước, mọi miền gần xa. [\[22\]](#)

Tâm ta là chính Phật đà,  
Phật đà ở tại tâm ta chẳng ngoài.  
Niết bàn, Viên giác, Như Lai,  
Ngoài tâm tìm kiếm công toi, ích gì.  
Ngoài tâm tìm kiếm được chi,  
Niết Bàn đâu có lối về ngoài tâm.

Tự tâm chí chính, chí chân,  
 Tự tâm là Phật, tự tâm Niết Bàn. [23]  
 Ngoài tâm tìm kiếm đa đoan,  
 Tay không bắt gió mơ màng hư vô.  
 Tâm ta tạo Phật cho ta,  
 Bỏ tâm tìm Phật hỏi là tìm đâu.  
 Phật tâm, tâm Phật trước sau,  
 Ngoài tâm tìm Phật hỏi sao chẳng lằm.  
 Cho nên phải biết hồi tâm,  
 Nội quan quán chiếu mà tầm siêu linh.  
 Bản lai diện mục của mình,  
 Muốn tìm thời phải ly hình nhập tâm. [24]

\* Lợi ích thứ 7 là nhờ vẽ ra hai chiều hai hướng nói trên, chúng ta sẽ hiểu những danh từ mà xưa nay ý nghĩa hết sức là mơ hồ. Đó là :

- Trở lại Đạo
- Tái sinh (Sinh ra lần thứ hai)
- Hồi hướng
- Phục, Phục phản (Quay trở về, quay trở lại), v.v...

Trước hết, theo Kinh Dịch, khi mà Âm đã tiến tới cùng cực, thì Dương bắt đầu tái sinh. Dịch gọi sự chuyển hướng biến hóa đó là Phục, là quay trở lại.

- Trong một ngày thì điểm hồi phục ứng với giữa giờ Tý, tức là 12 giờ đêm, và lúc ấy là khởi điểm cho một ngày mới.

- Trong 1 tháng, thì điểm hồi phục ứng với ngày mồng 1, vì mồng 1 là ngày mặt trăng sinh lại (Tô ⇨), sau mấy đêm trời tối của cuối tháng.

- Trong 1 năm thì điểm hồi phục ứng với ngày Đông Chí, vì Đông Chí thì nhất Dương sinh, và trên bầu trời thì vầng Dương cũng xoay trở lại.

- Vì điểm hồi phục nói trên bao hàm ý nghĩa một sự sinh lại của vạn hữu, nên nó ứng với Tý trong 12 chi, với Nhâm trong thập can, với Thai của vòng Trường sinh, với Hư nhật thử của vòng Nhị thập bát tú, mà Thử là chuột cũng vẫn lại là Tý. Tất cả những chữ Nhâm, chữ Tý, chữ Thai đều nói lên ý nghĩa một sự thai nghén, một sự xuất sinh.

- Mà Dương tức là Tinh thần, nên tới điểm hồi phục ở vào khoảng nửa đời, khi mà:

«Mùi tục lụy, lưởi (đã) tê tân khổ,  
 Đường thế đồ gót (đã) rỗ kỳ khu...»

Khi mà trên đầu mái tóc đã ngả màu sương, khi mà làm tâm sự bắt đầu đã ngả sang mùa thu của cuộc đời...

- Đối với nhân quần thì điểm hồi phục sẽ được đánh dấu bằng những sự văn minh tân tiến cùng cực của vật chất, bằng sự băng đọa của tinh thần, bằng sự suy thoái của các tôn giáo hữu hình bên ngoài,



bằng sự tạm lánh mặt của thần minh để rồi sau đó lại tái xuất hiện với một nguồn sống mới, một chiều hướng văn minh tinh thần mới, một nhân loại mới vừa được tinh luyện qua nhiều gian truân, nhiều thử thách do chinh chiến, do khủng hoảng gian trần gây nên...

- Theo Dịch, thì Phục là kiến thiên địa chi tâm 見天地之心, là khi mà con người nhận ra được Tính chất Thần linh của mình, nhìn nhận ra được chân thể cao sang của mình, để rồi từ đó bước vào con đường thực hiện Thiên Chân.

Lúc mà con người bắt đầu nhìn ra được bản tâm, bản tính của mình, nhìn ra được chân giá trị của mình, thì ra được mình chính là dòng dõi thần linh tiên phật, lúc ấy chính là lúc con người: TRỞ LẠI ĐẠO.

Trở lại đạo: đây không phải là bỏ tôn giáo này theo tôn giáo khác, mà chính là hết còn hướng ngoại, hết còn để cho vật dục, ngoại cảnh sai sử tâm linh mà chính là tâm linh đã biết sai sử ngoại cảnh, xác thân. Trở lại đạo là không còn để cho viên tâm, mã ý rong ruổi lạc lõng trên muôn ngã đường đời, mà quay về tu luyện bản tâm, bản tính.

Trở lại đạo: đây chính là trở về với Đại Đạo tiềm ẩn nơi tâm. Phật giáo gọi thế là: Hồi hướng, Hồi quang phản chiếu, Hồi tâm, Hồi tâm hướng đại, v.v... (xem Đoàn Trung Còn, Phật học từ điển).

Nho gia gọi thế là Phản thân nhi thành 反身而成 (Mạnh Tử, Tận tâm chương cú thượng), Phản cầu chư thân 反求諸身 (Trung Dung, chương I, Chú thích của Chu Hi), phản cung (quay về với mình).

Công giáo gọi thế là: Trở lại đạo, là hồi hướng (conversion), là ăn năn tội, là hối hận, phàn nàn (repentir) là tái sinh, là sinh lại lần thứ hai. (Joan 3, 1-9)

Trong một bài diễn văn thuyết giảng tại trường đại học Mc Gill ở Canada năm 1955, cựu tổng thống Ấn Độ Radhakrishnan đã nói như sau:

«Nước Trời thực ra là một tâm trạng, là một cuộc sống trên một bình diện cao đẹp hơn, một sự giác ngộ, một sự phát huệ tâm linh...

«Chân lý sẽ cho chúng ta tự do. Khi đức chúa Jesus nói: 'Hãy ăn năn đền tội', người đã muốn ám chỉ đến một sự thay đổi tâm trạng con người.

«Tiếng Hy Lạp dịch chữ 'Hãy ăn năn đền tội' là Meta-noia. Đó là một sự thay đổi tâm tư, một sự tiến hóa theo chiều hướng nội tâm, một sự hiểu biết cao rộng hơn. Tâm thức con người đã hiểu được Siêu thế.

«Như vậy, đây không phải là một sự ăn năn thống hối thông thường, mà là một sự thay đổi toàn diện tâm tư, một sự thay đổi toàn diện về tầm nhìn, lối nghĩ, một sự phá mê, chuyển giác. Đó là một lối suy tư mới, cảm giác mới, hành động mới. Đó là một sự Tái sinh.» [25]

Chúa Jesus đã nói cùng ông Nicodème: «Con người nếu không tái sinh, sẽ không thấy được nước Trời. Tái sinh đây không phải là phàm nhân tái sinh, mà là con người huyền bí, nội tại, mà chính là thần nhân nơi con người tái sinh. Thế là bước lên một giai trình tiến hóa mới.»

Câu «Hãy ăn năn, hãy trở lại» ám chỉ sự quay trở lại của tâm hồn chúng ta. «Trừ phi các người trở lại, và nên giống như con trẻ» Thế nghĩa là trong ta có một anh nhi, một xích tử, biết thưởng thức cái huyền bí, cái kỳ diệu của trời đất. Ngày nay, vì chúng ta lạc lõng trong cái thế giới thiên nhiên, vật chất, ngoại cảnh, nên cái huyền bí, cái ảo diệu của cuộc sống đã bị thực tại chôn vùi, khuất lấp mất, nó chỉ còn chập chờn đôi lúc trong ký ức ta, và lúc ấy chúng ta phảng phất hồi tưởng lại một cái gì chúng ta đã biết và đã có. Chúng ta phải phục hồi của sở hữu đã mất ấy, và phải phục hồi cái hồn nhiên, cái thư thái của tuổi thơ... Con người cần phải cải hóa mình, canh tân, tái tạo mình. Thánh Paul đã viết cho dân thành Ephèse: «Bạn hãy thức dậy đừng còn mê ngủ nữa, và hãy trỗi dậy khỏi hàng ngũ kẻ chết.»

Đạo Công giáo lúc ban sơ, khi chưa bị đoàn ngũ hóa, hình thức hóa, thực ra cốt là dạy con người làm bưng tỉnh khỏi giấc trầm kha mê lú. Chúa Jesus cũng như đức Phật là những người đã bưng tỉnh tâm linh, và dạy con người phương cách làm cho tâm linh bưng tỉnh. Nước trời không phải là cái gì ở trong tương lai, lai sinh, lai thế. Nước trời ở trong tầm tay chúng ta. Nước trời ở trong chúng ta. Khi nào chúng ta liễu đạt được trạng thái đó, chúng ta sẽ không còn bị những lề luật qui ước gian trần chi phối. Ngày thứ bảy đã được dựng lên vì con người, chứ không phải con người đã được dựng nên vì ngày thứ bảy.»<sup>[26]</sup>

\* Lợi ích thứ 8 của sơ đồ với 2 chiều biến hóa nói trên, đối với tôi, đã giúp tôi nhìn thấy chiều hướng biến thiên của các đạo giáo qua các thế hệ từ xưa tới nay, và từ nay tới chung cuộc. Tôi xin trình bày cùng quý vị cái nhìn mới mẽ của tôi về đạo giáo này, và xin quý vị hãy coi nó như một giả thuyết...

Theo sự nhận xét của tôi, thì lịch sử các tôn giáo từ thuở ban sơ cho tới nay đã trải qua 3 thời kỳ:

## 1. THỜI KỲ I

Thời kỳ này bắt đầu từ ban sơ cho tới khoảng năm 1250 trước công nguyên, tức là cho tới khi Moise lập đạo Do Thái ở miền núi Sinai, khi đem dân Do Thái từ Ai Cập ra sống lang thang trong sa mạc.

Thời kỳ này có thể nói được là đạo giáo ở trong giai đoạn chữ Thiên, tuy là một chữ Thiên phù phiếm, ngoại tại... Lúc ấy, đại đạo lưu hành, chưa có tôn giáo cá biệt. Đặc điểm của thời kỳ này đối với các chân nhân là:

- Tin rằng con người có Thiên Tính, có Thần.
- Tin rằng Trời chẳng xa người và hằng lồng trong tâm khảm nhân quần vạn hữu.
- Tin rằng con người có thể tu luyện để phát huy thiên tính phát huy thần thông, thần uy thần lực.
- Tin rằng con người có thể vươn lên tới tuyệt đỉnh tinh hoa là Phối Thiên ngay từ khi còn ở gian trần này.

Chính vì thế mà nơi chương 68 Đạo Đức Kinh, Lão tử mới nói: «Thị vị Phối Thiên cổ chi cực.» 是謂配天, 古之極. Thế mới nói được rằng Phối Thiên, kết hợp với Trời là tuyệt đỉnh tinh hoa của người xưa.

Đối với quần chúng thì đó là thời kỳ mà thần linh, mà ma quái tràn ngập trái đất. Đâu cũng có thần, đâu cũng có ma. Đúng là Thần cây đa, ma cây đề, hay một ngọn cỏ một giỏ ma.<sup>[27]</sup>

## 2. THỜI KỲ II

Thời kỳ từ khoảng những năm 1250 trước công nguyên đến những năm 1400 công nguyên.

Trong thời kỳ này lịch sử đạo giáo bước sang chữ Nhân. Lúc này, đại đa số nhân loại tin rằng:

- Con người chỉ Xác, có Hồn mà không có Thần.
- Trời Người tách biệt nhau muôn trùng. Trời cũng tách rời khỏi quần sinh vũ trụ.
- Con người chỉ có thể tu tâm, làm lành lánh ác.

Thời kỳ này là thời kỳ các vị giáo chủ lục tục giáng trần:

- Moise khoảng 1250 tcn.
- Lão tử khoảng 600 tcn.
- Đức Zoroastre khoảng 600 tcn.
- Đức Phật khoảng 500 tcn.
- Đức Khổng (551–479)

- Pythagore (580–500)
- Socrate (470–399)
- Platon (429–347)
- Jesus (−6 – +30)
- Mahomet (570-632).

Từ ấy mới có những tôn giáo riêng biệt: Do Thái giáo, Lão giáo, Bái hỏa giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, v.v...

Các vị giáo chủ giảng trần, tùy căn cơ mà dạy dỗ con người. Đối với những người có đại căn, thì dạy cho đại đạo, dạy cho chân truyền nội giáo, dạy cho biết rằng trong mình có Thần, có căn cốt Thần Tiên, Phật Thánh, dạy hồi quang quán chiếu, dạy thanh hư, định tĩnh để phục hồi Nguyên Tính, phục hồi Chân thần.

Đối với những người có hạ căn, thì dạy cho tiểu đạo, dạy cho ngoại giáo công truyền, nghĩa là dạy thờ phượng thần linh, làm lành lánh dữ, để cầu phúc thiên đường, thoát lửa địa ngục...

Và chúng ta thấy rằng suốt trong thời kỳ này, song song với các đạo giáo công truyền dành cho đại đa số quần chúng, lại còn có thứ nội giáo mật truyền dành cho một số đệ tử thân yêu. Chẳng hạn như đạo Phật có Chánh Pháp nhãn tàng truyền cho Ma Ha Ca Diếp, và đạo Phật công truyền dành cho đại chúng. Sau này thì có Thiên Tông và Tịnh Độ Tông tiêu biểu cho hai khuynh hướng đó.

Về phía Công giáo, nếu ta đọc Thánh Kinh, ta thấy rất nhiều đoạn ám chỉ hai thứ đạo đó. Ví dụ nơi câu 11, chương 4, Phúc Âm Marc, chúa Jesus phán: «Sự mầu nhiệm của nước Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho các ngươi. Nhưng về phần người ngoài, thì dùng cách thí dụ để dạy mọi sự, hầu cho họ xem, thì xem mà không thấy, thì nghe mà không hiểu, để họ hối cải mà được tha tội chăng.»

Như vậy thì các vị giáo chủ xuống trần không phải là đem lại cái gì siêu việt mới cho nhân loại, cho trần hoàn, mà chính là muốn vớt vát lại cái gì siêu việt xưa mà nay đã mất. Các ngài thực ra là những nhân chứng sống động cho cái siêu việt xưa đã mất ấy. Mới hay:

Đạo Cả hết, đạo Huyền Đồng hết,  
 Mới lan tràn học thuyết nghĩa nhân,  
 Trí sinh, trá ngục sinh dần,  
 (Dân gian còn biết Thiên Chân là gì.)  
 Tình gia tộc một khi suy giảm,  
 Hiếu tử sinh trong đám cháu con,  
 Giang sơn gặp lúc ám hôn,  
 Trung thần xuất hiện, giang sơn ly loạn.  
 (Đạo đức kinh, chương 18)

### 3. THỜI KỲ III

Từ khoảng thế kỷ XV cho đến nay, nhân loại đang đi tới chữ Địa. Đó là thời kỳ được khởi đầu bằng Phong trào Phục Hưng (Renaissance) ở Âu Châu, đó là thời kỳ mà Gutenberg đánh dấu bằng sự sáng chế ra nghề in, mà Magellan đánh dấu bằng những cuộc chu du bốn biển (1470-1521), mà Christophe Colomb đánh dấu bằng sự khám phá ra Mỹ Châu (1451-1500)

Trong thời kỳ này, nhân loại dần dần đánh mất luôn cái hồn của mình, và lại còn muốn khai tử từ Thượng đế đến các vị thần linh.

Nhiều triết gia đã chủ trương con người chỉ có xác, còn hồn là cái gì phụ thuộc, là sản phẩm của thân xác, mà phản ánh của thân xác. Từ nay xác thân là chính, ngoại cảnh là chính, xã hội là chính, kinh tế là chính, còn tâm thần chẳng qua là cái gì hư ảo.

Trong thời kỳ này, chưa sót thay, các đạo giáo cũng càng ngày càng hướng ngoại, càng dính líu vào thế quyền, vào chính trị, càng thiên về phần hình thức sắc tướng, nghi lễ, cầu đảo, mà sao nhãng phần tinh hoa cao đại.

#### 4. THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Nhưng Dịch cùng tắc biến, sau thời kỳ này, sẽ là thời kỳ mà nhân loại bừng tỉnh, nhận lại được rằng trong xác còn có hồn, trong hồn còn có thần và nhận định ra được rằng mục đích đạo giáo chính là giúp con người trở thành thần linh, và trong toàn thế giới nảy sinh ra phong trào đối chiếu tôn giáo để mong tìm cho ra Đại Đạo, cho ra chân lý Vĩnh cửu.

Có lẽ ngày nay chúng ta đang dần dần bước vào thời kỳ chuyển tiếp này. Và Cao Đài giáo đang muốn phất lá cờ tiên phong, băng qua các tôn giáo để đi tìm lại Chân Đạo, đi tìm lại Đại Đạo, lâu ngày đã bị cát bụi thời gian lịch sử che mờ, khuất lấp.

Và sau đó sẽ có:

- Thời kỳ mà nhân loại biết đánh giá ngoại cảnh cho đúng mức, sẽ khắc phục được ngoại cảnh và dùng được ngoại cảnh làm phương tiện đắc lực giúp mình bồi dưỡng tâm thần.

- Sẽ có thời kỳ mà nhân loại, sẽ ra công tu luyện nội tâm, khắc phục dần dần được Phàm Tâm để khiến Thiên Tâm hiện.

- Và cuối cùng sẽ là thời kỳ mà nhân loại biết hàm dưỡng Thiên Tâm, biết triển dương Thiên Tâm cho tới mức tinh vi cao đại, để đi đến tuyệt điểm tinh hoa là phối Thiên. Nói hàm dưỡng, nói triển dương âu là nói để cho dễ bề hình dung, chứ Thiên Tâm là cái gì tuyệt diệu, là cái gì bất biến, là cái gì hằng cửu là cái gì bất tăng bất giảm, thì làm sao mà trau chuốt, thì làm sao mà tài bồi được. Thế tức là lúc Đắc Đạo mới thấy Đạo vốn đã sẵn có từ muôn thuở nên chẳng thể nói được là Đắc đạo, lúc đạt tới viên dung toàn mãn, mới thấy Đạo vốn toàn mãn viên dung, chẳng thể trau chuốt tài bồi, và mới thấy rõ ràng là người xưa đã nói đúng, khi nói:

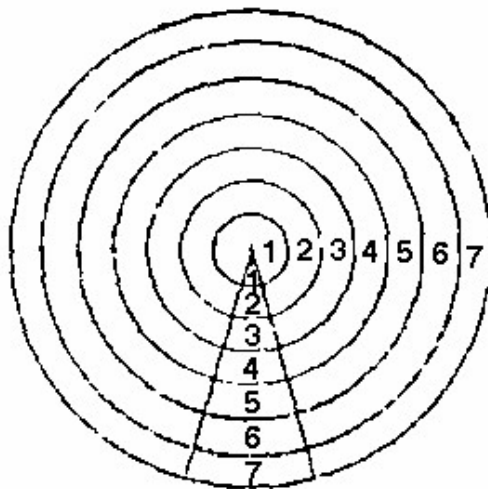
Ly tâm duyên tướng, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng. (Kinh Phật)

#### SƠ ĐỒ II

Trong phần trên đây, với những quan niệm Tam Tài và Lưỡng nguyên về con người, chúng ta đã thấy một cách khái quát giá trị và ý nghĩa các đạo giáo.

Tuy nhiên những hiện tượng đạo giáo đối với ta hãy còn hết sức là phức tạp. Chúng ta phải làm sao có thêm được ít nhiều tiêu chuẩn vững chãi khác để do đó có thể tháo gỡ và phân loại các hiện tượng đạo giáo.

Sau nhiều thời gian suy tư, tôi đã phác họa thêm 1 sơ đồ thứ hai như sau:



- 1- TÍNH = Thái Cực, Đạo (LOGOS, ESPRIT)  
 2- KHÍ = Hồn (âme aérienne, ANIMUS)  
 3- TÂM = Phách (âme liquide, ANIMA)  
 4- TRÍ = Trí (Mental, intellect)  
 5- XÁC = Xác (Corps)  
 6- GIA ĐÌNH, QUỐC GIA, XÃ HỘI (Famille, société, nation)  
 7- NGOẠI CẢNH VẬT CHẤT, BÁCH NGHỀ (Millieu physique métiers)

Đồ bản này tuy phức tạp hơn, nhưng thực vẫn là từ Đồ bản 1 suy diễn ra. Ta hãy so sánh:

SƠ ĐỒ I	SƠ ĐỒ II
THIÊN	TÍNH
NHÂN	HỒN - PHÁCH - TRÍ
ĐỊA	XÁC: Gia đình, Quốc gia, Xã hội, Ngoại cảnh, Vật chất, Bách nghề

Và bây giờ nếu ta dùng Đồ bản 2 này như là một chiếc chìa khóa để mở các cánh cửa Hiện tượng đạo giáo, ta sẽ thấy mọi sự trở nên sáng tỏ.

- Vì con người sống trong thiên nhiên, bị ngoại cảnh vật chất chi phối nên con người phải làm làm để chế ngự ngoại cảnh, phải có nghề có nghiệp để làm ăn. Các đạo giáo khuyên ta nên lựa chọn nghề nghiệp hay mà làm.

- Vì con người có gia đình, quốc gia, xã hội, nên các đạo giáo có bốn phận dạy người tương thân tương ái, đối đạm với nhau cho công bình, cho bác ái. Đạo giáo nào cũng phải góp phần hữu hiệu vào công cuộc cải tạo xã hội.

- Vì con người có xác, có ngũ quan, nên đạo giáo nào cũng có những lễ nghi hình thức, cũng cần đến trống chiêng, đàn sáo, hương hoa, đèn sáp bên ngoài. Đó là hiện tượng Lễ nghi hình thức (Formalisme).

- Vì có trí khôn biết suy xét, lý luận, nên tôn giáo nào cũng có một số giáo lý để cắt nghĩa sự hình thành của vũ trụ, thân thể và định mệnh con người. Lạ lùng nhất, là cũng một giáo lý đạo này cho là chính, thì đạo kia lại cho là tà, và các tín hữu thì đều cho lập trường đạo giáo mình là chính đáng, giáo lý đạo mình là chân lý. Đó là hiện tượng Giáo điều (Dogmatisme)

- Vì con người có nhân tâm, có phách, là nơi dung chứa thất tình lục dục, nên đạo giáo nào cũng có một số giới luật, đại khái dạy làm lành lánh dữ, tôn trọng các huấn thị mà các vị lãnh đạo đạo giáo mình ban bố ra. Đó là hiện tượng Giới luật, tu trì (Morale et ascétisme)

- Vì con người có hồn, mà hồn là khí khinh thanh, nên bao giờ cũng ưa cái hay cái đẹp. Chính vì thế mà đạo giáo nào cũng thấy cần thiết phải đem cái hay cái đẹp lồng vào đạo giáo mình. Tất cả những hiện tượng đàn ca, trang trí hội họa điêu khắc, kiến trúc trong các tôn giáo, chính là mỹ thuật phục vụ tôn giáo. Đó là hiện tượng Mỹ thuật, nghệ thuật của đạo giáo (Esthetique et Art).

Có một số ít đạo gia, tu sĩ, sau khi đã chế ngự được dục tình, đã biết sống một cuộc sống thanh cao, khinh khoái, sáng khoái, hồn nhiên. Thế là họ đã biết đem mỹ thuật, đem nghệ thuật lồng vào đời sống họ. Họ đã học được nghệ thuật sống. Như vậy cái hiện tượng nghệ thuật nói trên thay vì điểm tô cho giáo đường, cho đền đài miếu mạo bên ngoài, đã xoay chiều để điểm tô cho tâm thần khí sắc con người...

- Cuối cùng vì con người có Tính có Thần, mà Thần mà Tính thì viên dung toàn mãn, nên đạo giáo nào cũng dạy con người thực hiện viên dung toàn mãn, tiến tới tinh hoa cao đại, tiến tới Chí Thiện, Chí Mỹ. Khi mà con người đã đạt tới viên dung toàn mãn, thuần túy chí thiện, thì tuệ giác sẽ triển khai. Lúc ấy Thần mình và Thần Trời đất là một, lúc ấy con người đã vượt được lên trên hết mọi hình thức sắc tướng biến thiên ảo hóa, thực hiện được Chân Thể vĩnh cửu trường tồn. Đó là Phối Thiên, đó là Niết Bàn, đó là thực hiện được Kim Cương thân, hay Pháp thân, hay luyện thành Cửu chuyển hoàn đan, hay Đắc Đạo, Đạt Thiên.

Đó là hiện tượng Huyền Đồng (Mysticisme) theo từ ngữ Âu Châu. Đó là lên hàng Tiên, Phật, Thánh, Thần, theo từ ngữ Á Châu.

Tất cả những hiện tượng đạo giáo nói trên một đàn thì tương ứng với các tầng lớp con người, phản ánh lại các tầng lớp trong con người, một đàn thì như là những nấc thang, những nhịp cầu đưa con người từ phù sinh đến vĩnh cửu. Còn kết quả hay dở là tùy con người có biết sử dụng hay không, những nấc thang ấy, những nhịp cầu ấy...

Đồ bản trên, cũng như các hiện tượng đạo giáo trên giúp ta hiểu thế nào là tùy cơ thuyết đạo, tùy căn truyền đạo.

Gặp hạ căn, thì dạy van vái cúng quải, cầu an, cầu phúc, gặp sĩ phu thì dạy suy tư, gặp tu sĩ thì dạy tu tâm luyện kỹ, gặp hiền nhân, thì dạy sống đời sống linh sáng, phiêu diêu, thoát tục. Gặp đại căn đại trí, thì truyền tự giác, tự ngộ, sống một lối sống tự nhiên, viên dung, bao quát, toàn thiện, toàn mỹ.

Cũng có thể thêm rằng:

- NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN thì dạy van vái cúng quải, dạy suy tư, dạy tu tâm luyện kỹ.

- NỘI GIÁO MẬT TRUYỀN thì dạy đời sống nghệ thuật, thần tiên, linh sáng, tự nhiên, viên mãn, cao siêu, vĩnh cửu trường tồn...

## ÁP DỤNG THỰC HÀNH

Vương Dương Minh xưa đã thường chủ trương Tri hành hợp nhất. Tôi cũng chủ trương đã tri thời phải hành.

Nếu chúng ta đã tốn nhiều công khảo sát các đạo giáo, để tìm ra chân lý rất ráo, để tìm cho ra Tinh hoa nhân loại, thì ta phải cố tìm cho ra chân lý rất ráo và cố thực hiện cái Tinh hoa nhân loại đó cho mình, và cho người. Và như trên đã nói, chúng ta có lẽ đang sống trong một thời kỳ chuyển tiếp về phương diện đạo giáo, một thời kỳ so sánh, kiểm điểm, nhật nhạn, bòn mót, gạn lọc, chọn lựa, đào thải. Đào thải

những cái gì dơ, chọn lựa thật nhanh những cái gì hay, và như vậy chúng ta có những bốn phận hết sức là rõ rệt hết sức là bức thiết.

- Trước hết, chúng ta có bốn phận xác minh lại cho mình, cho người, cho nhân loại hay rằng: Con người vốn có Thiên Tính, có Phật Tính. Và chính vì có Thiên Tính, có Phật Tính, nên chúng ta đích thực là những vì Thiên tử tương lai, chứ không phải là con sâu cái kiến, chứ không phải là tôi đòi, chứ không phải là con nuôi, con xin, con nhặt. (Xem La Mã, 8, 14-18.8,29)

Đức Vạn Hạnh Thiền sư có nói: «Con người đứng trong hàng Tam Tài (Thiên, Địa, Nhân) nhờ đó con người dễ thường được gần gũi với các đấng Thiêng Liêng ở hàng thượng đẳng; vì trong con người đã sẵn có Thiên Tính, Thiên Tính có phát hiện, bộc lộ ra khi nào phạm tính được câu thúc, chế ngự...» [28]

Thánh kinh Công giáo cũng đã có lần long trọng minh xác: Con người chính là Thần linh, con người chính là Con Thiên Chúa, con người chính là dòng dõi Thượng Đế.

Thánh David đã nói trong Thi Thiên 82, câu 6: «Ta đã nói: Các người là Thần Linh và tất cả đều là con cái dòng tối cao.» Và chúa Jesus sau này cũng đã long trọng nhắc lại lời thánh kinh ấy trong Phúc Âm (John, 10,34).

Thánh Paul đã viết: «Chính Thần Chúa đã phối kết với Thần ta để xác minh rằng chúng ta là Con Thiên Chúa. Đã là con, thì cũng là kẻ được thừa hưởng gia tài, thừa hưởng gia tài Thiên Chúa, và cộng hưởng gia tài ấy với Chúa Jesus.» (La Mã, 8,16)

Thánh Paul đã long trọng tuyên bố trước Tối cao Pháp viện Hy Lạp rằng: «Chúng ta sống động trong Thượng đế, chúng ta là dòng dõi Thượng Đế.»(Công vụ sứ đồ, 17, 28-29).

Như vậy chúng ta là những kẻ không hèn, chúng ta là những người thuộc dòng dõi sang cả. Kẻ nào bảo chúng ta phàm hèn, kẻ nào làm nhục nhục khí của chúng ta, làm mất niềm hiên ngang, hứng khởi của chúng ta, những kẻ ấy là những kẻ đầu độc tâm hồn ta, ta chớ có nghe theo họ...

- Kế đến chúng ta phải góp phần trả lại phần Thần cho con người, phải đem Thần Linh về với con người.

Thực vậy đã từ nhiều nghìn năm nay, nhân loại đã đánh mất Thần mình (Genesis, 6, 1-4) vì thế nên sa đọa, vì thế nên coi rẻ mình, coi rẻ người, vì thế nên cam tâm coi mình là những kẻ hèn hạ tù đầy nơi thế tạm, cho nên ngày nay chúng ta phải rao giảng cho mọi người rằng họ có phần Thần, phần Thiên trong mình, mà họ chẳng biết chẳng hay.

Ngày nay có lẽ là thời điểm, mà Thượng Đế sẽ trả lại phần Thần cho con người. Thời kỳ đó đã được tiên tri Ezechiel báo trước. Tiên tri Ezechiel nói lại lời Chúa như sau: «Ta sẽ ban lòng mới cho các người, và đặt Thần mới trong các người. Ta sẽ cắt lòng bằng đá khỏi các người, và sẽ ban cho các người lòng bằng thịt. Ta sẽ đặt Thần ta trong các người, và khiến các người noi theo mệnh lệnh ta, thì các người sẽ giữ mệnh lệnh ta và làm theo.» [29]

Chúa lại phán: «Ta sẽ đặt Thần ta trong các người, và các người sẽ sống.» [30] Và Chúa lại phán qua cửa miệng tiên tri Joel: «Sau đó, ta sẽ để Thần ta trên mọi xác thịt, con trai con gái các người sẽ nói tiên tri, kẻ già sẽ chiêm bao, người trẻ sẽ thấy điềm lạ...» [31]

Và lạ lùng thay đức Cao Đài khi sáng lập ra Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã tuyên bố rõ ràng: là muốn đem Thần mà trả lại cho con người.

Trong bài Thánh ngôn ngày 25-2-26, đăng tải trong Thánh Ngôn Hợp Tuyển, trang 8, có lời đức Cao

Đài phán:

«Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm từ ngã đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí đặng đủ Tam bửu là cơ màu nhiệm siêu phàm nhập thánh.»

«Từ ngày đạo bị bế, thì luật lệ hãy còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tẩn thần không cho hiệp cùng Tinh Khí. Thầy đến đặng hoàn nguyên Chân Thần cho các con đắc đạo.»

«Con hiểu Thần cư tại nhĩn. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn gốc Tiên Phật do yếu nhiệm tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo hằng nhớ đến danh thầy.» [\[32\]](#)

Lời cơ trên kỳ kỳ ảo ảo, nhưng chung qui đã xác quyết: Lập ra đạo Cao Đài để hoàn nguyên Chân Thần lại cho con người. Và nếu con người không được hoàn nguyên Chân Thần, thì không sao thành Tiên, thành Phật được.

Điều bức thiết thứ 3 là đem được Thượng Đế trở về ngự trị nơi lòng mọi người.

Từ mấy nghìn năm nay, nhân loại vì quá sợ hãi Thượng Đế, vì quá kính trọng Thượng Đế, nên đã đưa người lên ngự trị trên những miền biên viên vũ trụ xa xôi, hoang vắng, lạnh lẽo. Chúng ta ngày nay, sau khi đã đối chiếu các tôn giáo, đã hiểu biết về chân thể con người, chúng ta có bốn phận mời mọc Thượng Đế trở lại ngự trị trong lòng nhân loại, trong lòng mỗi một người chúng ta, để Ngài được sưởi ấm lòng tình thương mến của chúng ta. Chúng ta hãy mạnh dạn, chúng ta hãy tha thiết mời mọc Ngài, khẩn khoản Ngài, như các môn đệ thành Emmaus xưa và nói: «Xin Thầy hãy ở lại cùng chúng tôi, vì bóng chiều đã ngả.» (Luke, 24,29)

Các thánh hiền xưa nay đều tin rằng: Thượng Đế không ở trong những đền đài miếu mạo do tay người làm ra, và Ngài chỉ muốn ngự trị trong lòng con người, chỉ muốn lấy lòng con người làm những đền thờ cho ngài yên nghỉ.

Nếu thực tình Thượng Đế thích ngự trị trong những đền đài huy hoàng do tay người tạo dựng nên, thì Chúa Jesus, thì Đức Phật, thì đức Lão, thì đức Khổng chắc chắn suốt đời đã đốc thúc môn đệ, đã khuyến cáo mọi người xây cất đền thờ. Thế mà các ngài chẳng có ai đã làm việc ấy.

Nếu Thượng Đế ưa ở những đền đài miếu mạo cao sang, thì ngay khi mở đạo Công giáo thánh Etienne (Công vụ sứ đồ, 7, 48-50) rồi thánh Paul đã chẳng tuyên xưng rằng: «Thượng Đế đáng tạo nên hoàn vũ quần sinh, chúa tể càn khôn chẳng có ở trong những đền đài do tay con người tạo dựng nên.» (Công vụ sứ đồ, 17, 24)

Thánh Paul cũng đã nhiều lần xác quyết rằng: Lòng con người mới chính là đền đài của Thượng đế (1. Corinthians, 3- 16) mới chính là sở cư Thượng đế (Ephesians, 2-22), mới chính là đền đài của chúa Thánh Thần (1. Corinthians, 6- 19), và ngài khuyên chúng ta: «HÃY NGỢI KHEN VÀ HÃY MANG THƯỢNG ĐẾ TRONG THỂ XÁC ANH EM.» (1. Corinthians, 6-20)

Và đó cũng là những đặc điểm then chốt của đạo Cao Đài hiện nay. Trong một bài Thánh giáo có thơ rằng:

«Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh,

Chúng sinh giác ngộ biết tu hành,

Thương yêu mưa tách người khôn đại,

Điều độ đừng chia kẻ dữ lành...» [\[33\]](#)



Trong một đàn cơ ngày 18, tháng 3 năm Nhâm Tý, tại Bát Nhã Tịnh Đường ta thấy có thơ:

«Thử hỏi Cao Đài ở chốn nao?

Người tu trở lại, trở về đâu?

Phải chăng tìm đến Cao Đài thượng,

Đài thượng vô vi tại đỉnh đầu...» [34]

Và trong nhiều đàn cơ Thượng Đế đã xưng mình là Thiên Nhân, ngự trị nơi Nê Hoàn Cung, trung tâm đầu não con người. [35]

Khảo sát kỹ lưỡng các thánh giáo Cao Đài, tôi đã đi đến kết luận sau: «Sứ mạng chính yếu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là đem Thượng Đế vào tâm khảm con người.»

Đức Ngô Minh Chiêu cũng đã khuyên chúng ta: «Hãy nhường cho Chí Tôn Thượng Đế ngự trị thật sự bên bờ tâm não của mỗi hiền.» [36]

Với sứ mạng ấy, với những đường nét chính yếu ấy, ta nhận định ngay được rằng Cao Đài giáo muốn phục hưng lại cái Đại Đạo mà từ lâu con người đã đánh mất, hay chỉ còn hiểu một cách hết sức lờ mờ. Và Đại Đạo chủ trương dạy người Vô Vi Tâm Pháp.

Sứ mạng Cao Đài buổi trước tiên,

Vô vi tâm pháp độ người hiền,

Tam Kỳ mật hạ khai chân lý,

Dẫn dắt người phàm có thiện duyên. [37]

Tôi không phải là một tín hữu Cao Đài, nhưng thực ra đã đóng góp với Cao Đài tìm lại những đường nét chính yếu của Đại Đạo vốn lưu truyền từ thuở mới có loài người cho đến nay. Và những đường nét chính yếu của Đại Đạo tôi đã trình bày trong bài: MÙA XUÂN VĨ TRỤ TƯƠNG LAI VÀ ĐẠI ĐẠO, đăng trong tập san Cao Đài Giáo Lý, rằm tháng 2, năm Mậu Ngọ.

Thưa quý vị,

Tôi xin tổng luận bài thuyết trình này bằng mấy lời tâm sự chân thành của tôi như sau:

Đem cống hiến quý vị bài thuyết trình này, thực ra không phải là cống hiến suông tinh, mà thực ra đã gửi gắm tất cả một mối nhiệt tình, tất cả một niềm mến thương vô hạn của tôi đối với quý vị. Cống hiến quý vị bài thuyết trình này cốt để làm rực sáng lên, làm sống động lên cái phần Thần nơi tâm linh quý vị. Tôi muốn làm bừng tỉnh lại cái phần Thần Linh nơi quý vị.

Thưa quý vị, hồi các bạn thân yêu, các bạn chính là những thần linh, mà bùa mê, cháo lú không gian, thời gian hoàn cảnh, mà bùa mê bả dốt các học thuyết đa đoan, đã làm cho quên mất dòng dõi sang cả của mình, quên mất định mệnh sang cả của mình.

Các bạn hãy thức tỉnh dậy, hãy thức tỉnh dậy, hồi các bạn, hồi những thần linh còn đang mơ màng trong giấc điệp triền miên của hồng trần, của tâm thức. Các bạn hãy tỉnh dậy đi, tỉnh dậy với một niềm xác tin rằng trong mình có căn cốt thần linh, trong mình còn tiềm ẩn những nguồn năng lực vô biên vô tận. Hãy tỉnh dậy để sống một cuộc sống mới, đầy sinh khí, đầy ánh sáng đầy hiểu biết, đầy thơ mộng, hãy sống chan hòa với tha nhân với vạn vật, hãy dùng đũa thần của con tim khối óc, của tay chân, của sự đồng tâm nhất trí, của bầu nhiệt huyết, của tình yêu thương kính trọng chân thành đối với đồng loại, để tạo dựng cho ta cho người một tương lai huy hoàng xán lạn...

Chúng ta phải đổi quan niệm về hạnh phúc lai sinh, về sự thanh quý lai sinh, bằng chủ trương mới là: Một đạo giáo chân chính không dạy con người trốn thoát đời, không dạy con người rằng họ sẽ phải khổ sở mãi mãi, ở cõi đời này, chờ tới khi lai sinh mới được thanh nhàn, cực lạc, mà phải dạy cho con người trở nên thanh quý ngay từ đời này, giúp con người hưởng hạnh phúc ngay từ khi còn ở cõi trần gian, giúp con người sống phối kết với Thượng Đế ngay từ trong cuộc sống này để chẳng còn bao giờ phải chia phối.

Chính cũng trong chiều hướng này mà thi hào Tagore đã viết: «Kẻ tưởng rằng trốn khỏi cuộc đời, sẽ gặp được Thượng Đế, họ sẽ gặp được Thượng Đế bao giờ và ở đâu. Dẫu rằng họ có thể thắp cánh bay muôn vạn dặm, nhưng hỏi họ có bay được tới nơi hư tịch, không tịch được chăng ? Không! Kẻ hèn nhát, đã nghĩ trốn chạy, sẽ không gặp được Thượng Đế ở nơi đâu cả... Chúng ta phải có can đảm mà nói lên rằng: Tôi sẽ bắt gặp Thượng Đế ngay bây giờ, ngay ở nơi đây. Chúng ta phải xác tín như vậy, và trong mọi hành vi lao tác của chúng ta, chúng ta vừa thực hiện ta, vừa thực hiện Thượng Đế trong ta, vì Ngài là Chân ngã của ta...» [\[38\]](#)

Chân xác thay là cái nhìn của Tagore, hào hùng thay là niềm tin của Tagore. Trong Cao Đài Giáo Lý, số 85, bài Quy Y Phật cũng đã viết:

Ai cũng muốn thành Tiên cho chóng,

Mà quên rằng Phật sống nơi tâm;

Đầu non chót núi vái thềm,

Hàng cùng nẻo tận ráng tầm cho ra.

Sao không nhớ lại lời Cha,

Định tâm là thấy có xa đâu nào.

Theo gót các bậc thánh hiền kim cổ, từ nay sắp tới, thay vì tin rằng Nước Trời ở đây ở đó, hay Nước Trời ở giữa chúng ta, chúng ta sẽ đồng thanh tuyên xưng rằng: «Không! Không! Nước Trời ở đây, không ở đó; nước Trời không lộ liễu, mà nước Trời đã ở ngay trong tâm khảm ta.» (Luke, 17, 21)

Và nếu Nước Trời đã ở trong ta, thì Trời, thì Thượng Đế dĩ nhiên ở trong ta. Và dĩ nhiên, chúng ta phải đi con đường nội tâm mới tìm thấy đạo thấy trời.

Thế tức là: TRỰC CHỈ NHÂN TÂM, KIẾN TÍNH THÀNH PHẬT. (Thiền)

Thế tức là:

Cả vạn vật ở trong ta đó,

Quay về ta ta cố tinh thành,

Kiện toàn hoàn thiện tinh anh,

Vui nào hơn được vui mình đang vui... [\[39\]](#)

Đó là Chân lý, đó là Chân Đạo, đó là Đại Đạo vĩnh cửu miên trường mà trước khi ngừng lời tôi muốn trao lại hiến quý vị.

Sau hết xin kết thúc bằng một lời nguyện chúc: «Ước gì Thượng Đế, là đấng đã truyền cho ánh sáng bừng lên chói lọi trong tâm tối, sẽ bừng lên chói lọi trong tâm hồn quý vị...» (2. Corinthians. 4,6). Kính chúc quý vị thân tâm an lạc.



## CHÚ THÍCH

- [1] Bài thuyết trình tại Ban nghiên cứu giáo lý của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo.
- [2] Mạnh tử, Tận tâm chương cú thượng.
- [3] Qui pourrait connaître son proprium, connaîtrait Dieu. Qui le scrute avec attention, s'approche de Dieu. - Lotus Bleu, Paris 39, p. 89-106. Gabriel Gobron, Histoire du Caodaisme, p. 91.
- [4] Kinh Thư, Đại Vũ mô, 15.
- [5] He who, dwelling in all things, yet is other than all things, whom all things are, who controls all things from within – He is your Self, the Inner Controller the Immortal...  
Br. Upanishad III, VII, 15,23. Cf. A Source book in Indian Philosophy, edited by Sarvepalli Radhakhrisnan and Charles A. Moore, Princeton University Press, London: Oxford University Press, 1957, p. 84.
- [6] Tính Mệnh khuê chỉ, quyển 2, trang 11.
- [7] The Real, which is the inmost of all things, is the essence of one's soul. 'Smaller than the smallest greater than the greatest, this essence of being lies hidden in the heart of the creature.' The one doctrine by which the Upanishads are best known to the outside world is that of TAT TVAM ASI: The ETERNAL is in oneself. The Divine dwells in the secret places of the heart. 'The ancient being imperceptible to the senses' the BEING deep in the unknown wrapped in shadows, dwelling in the abyss, lives in one's heart...' Rhadhakrishnan, East and West. Some reflections. Harper and Brothers, Publishers, New York, 1956, p.22.
- [8] Luận Ngữ, Nhan Uyên, 3-2.
- [9] Lịch đại cao tăng cổ sự, (Đạo Sinh), tr. 55.
- [10] From the emphasis on the immanence of the Divine in man, it follows that there is not a single individual, however criminal he may be, who is beyond redemption. There is no place at whose gates it is written 'Abandon all hope, ye who enter here. There are no individuals who are utterly evil. Their characters have to be understood from within the context of their lives. Perhaps the criminals are diseased fellowmen, whose love has lost its proper aim. All men are children of immortality, amrtasya putrah. The spirit is in every one, as a part of oneself, a part of the substratum of one's being. It may be buried in some like a hidden treasure, beneath a barren debris of brutality and violence, but it is there all the same, operative and live, ready to come to surface at the first suitable opportunity. (Ib.27).
- [11] Jean, 14, 9,10,11.
- [12] «Je suis celui que j'aime, et celui que j'aime est moi.  
Nous sommes deux esprits infus en un seul corps,  
Si tu me vois, tu le vois, et si tu le vois, tu me vois.»  
Le divin Al-Hallag, éd. Massignon, p.57.  
Marijan Molé, Les mystiques musulmans, p.70.
- [13] Abu-Yazid dit: « IL m'éleva un jour et me placa devant Lui»... et dit: «O Abu-Yazid, mes créatures

veulent te voir.»Je dis alors: «Orne-moi de ton unicité, habille moi de ton individualité, élève moi à ton unicité, afin que me voyant, tes créatures disent: Nous t'avons vu. Et ce sera Toi et moi je n'y serai pas.»

Marijon Molé, Les mystiques musulmans, p.56.

[14] Xem Thi Thiên 36, 9: «Vi nguồn sự sống ở nơi Chúa, trong ánh sáng Chúa chúng tôi thấy sự sáng.»– Kinh Thánh, Société biblique britannique et étrangère, Shanghai, 1925, tr. 660. (Joan, 15, 1-8. Joan, 14,6)

[15] Cf. Berthold Altaner, Précis de Patrologie, Les Précis Salvator, Editions Salvator Mulhouse, 1961, p.306.

Xem Cao Đài Giáo Lý, số 76, tháng 3-1992, tr.1.

[16] Nguyễn Văn Thọ, Hướng tinh thần, tr.47.

[17] «The Self-existent pierced the openings (of the senses) outward,

Therefore one looks outward, not within himself.

A certain wise man, while seeking immortality,

Introspectively beheld the SELF face to face.»

Katha Upanishads, IV, 1-4,10-11. Cf. A Source Book in Indian Philosophy, p. 47.

[18] «Containing all works, containing all desires, containing all odors, containing all tastes, compassing this whole world, the unspeaking, the unconcerned - this is the SELF of mine within the heart, this is Brahman. Into him I shall enter on departing hence.» Chandogya Upanishad III, XIV, 1-2,4. A Source Book of Indian Philosophy, p.65.

[19] Baron von Hugel quotes the following passage attributed to St Thomas Aquinas: «Great is the blindness and exceeding the folly of many souls that are ever seeking GOD, continuously sighing after GOD, and frequently desiring GOD, while all the time, they are themselves the tabernacles of the living GOD... since their soul is the seat of GOD, in which he continuously reposes.» De Beatitudine, III, 3. Baron von Hugel, The Mystical Element of Religion, 1923, II, pp. 151-2. Cf. Radhakhishnan, East and West. Some Reflections, Harpers and Brothers Publishers, New York, 1956, p.72, note 1)

[20] Pháp bảo đàn kinh, quyết nghi phẩm.

[21] Tài liệu viết tay của Tam Tông Miếu (phần phiên âm). Léon Wieger có toát lược trong quyển Histoire des Croyances religieuses et des opinions philosophiques de la Chine, tr. 524 và tiếp theo (sách trên xin viết tắt Léon Wieger, HCROPC).

[22] Đạt Ma Huyết Mạch Luận: Tam giới bản khởi đồng qui nhất tâm. Tiên Phật hậu Phật dĩ tâm truyền tâm, bất lập văn tự... Tùng vô thị khoáng đại kiếp lai, nãi chí thị vi vận động nhất thiết thời trung, nhất thiết xứ sở giai thị nhữ bản tâm, giai thị nhữ bản Phật... (Le monde tout entier est pensé dans le coeur. Tous les Buddhas passés et futurs ont été et seront formés dans le coeur. La connaissance se transmet de coeur à coeur, par la parole. Alors à quoi bon tous les écrits? Le coeur de chacun communique à ce qui fut dans tous les temps à ce qui est dans tous les lieux... (Léon Wieger, HCROPC, p.524)

[23] Tức tâm thị Phật diệc phục như thị. Trừ thử tâm ngoại mịch Bồ Đề, Niết Bàn vô hữu thị xứ. Tự tính chân thật, phi nhân phi quá pháp, tức thị tâm nghĩa. Tự tâm thị Niết Bàn ... (Đạt Ma Huyết Mạch Luận). Xem thêm: Wieger, HCROPC, p. 524, và: Nguyễn Văn Thọ, Tinh hoa Phật giáo, tr.89.90.

[24] Nhược ngôn tâm ngoại hữu Phật, cầu Bồ Đề khả đắc vô hữu thị xứ. Phật cập Bồ Đề giai tại hà xứ. Thí như hữu nhân, dĩ thủ đề hư không, đắc phủ... Trừ thử tâm ngoại kiến Phật, chung bất đắc dã... Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm, tâm ngoại ký vô Phật, hà khởi Phật kiến, tế tương cống hoặc... Nhược dục kiến Phật, kiến tính tức thị Phật... (Đạt Ma Huyết Mạch Luận) ... Imaginer un Bouddha en dehors de son coeur, se figurer qu'on le voit dans un lieu extérieur, c'est du délire. Donc il faut tourner son regard, non vers le dehors, mais vers le dedans; il faut le concentrer en soi-même, et contempler en soi sa buddhité... Wieger, HCROPC, p. 524. Xem thêm: Nguyễn Văn Thọ, Tinh hoa Phật giáo, tr. 91.

Dẫn chứng thêm ít nhiều câu khác của Phật giáo:

- ① «Hướng ngoại mà tìm cầu; Tất cả đều ngoan si; Hướng nội mà tùy xứ tiện nghi; Tất cả đều là chân thật.»(Lâm tế Lục thị chứng) cf. Đại đức Thích Thiên Ân, Triết học Zen, q. I, tr.103.
- ② Lục Tổ Huệ Năng còn nói: «Tự mình tu, tự mình hành, thấy Pháp thân mình, thấy Phật ở tự tâm mình, độ lấy mình, răn lấy mình mới được.» [Pháp Bảo Đàn Kinh - Sám hối phẩm, tr.61, Đoàn Trung Còn dịch].

Ngài còn nói: «Qui y Phật, thì Phật ở nơi đâu? Nếu không thấy Phật thì biết nơi nao tìm về.» Hoa Nghiêm kinh viết: «Qui y với Phật của mình, chớ chẳng qui y với Phật khác.» [Pháp Bảo Đàn Kinh - Sám hối phẩm, tr.64-65, Đoàn Trung Còn dịch].

[25] The kingdom of heaven refers to a state of mind, a higher level of being, the state of enlightenment, bodhi, vidya. Truth makes for freedom. When Jesus says «Repent», He refers to a change of consciousness. The Greek work translated as repentance is Meta-Noia. It is a change of consciousness, an inner evolution, a higher level of understanding. The heart of man can comprehend the higher reality. It is not penitence or regret but a complete change of mind and heart, a revolution in our outlook, the displacement of ignorance, avidya by knowledge, vidya. It is a new way of thinking, feeling, and acting. It is a rebirth. -- Radhakrishnan, East and West, p.73.

[26] «Unless a man is born anew, he cannot see the kingdom of God,» said Jesus to Nicodemus. Rebirth belongs not to the natural man, but the secret, internal, the spiritual man. It is another step in evolution. 'Repent and be turned.' It is a wirling round of our consciousness. 'Except ye turn and become as little children.' There is a child in us that is responsive to the magic and mystery of the world. We are generally lost in the world of objects and the things of sense. The mystery of life is destroyed by life and remains only a memory, dimly felt at moments recalling for a fleeting instant something that we knew once and possessed. We must recover this lost possession, recapture freshness and spontaneity. Man must change himself. The writer to the Ephesians says, 'Awake thou that sleepest and arise from the dead.' Christian teaching in its origin before it became organised and externalised was awakening from sleep through the light shed by the inner wisdom. Jesus like the Buddha was one who had awakened and taught others the way of awakening. The Kingdom of Heaven is not something in the future. It is at hand. It is within us. When we attained this state, we are freed from law. 'The Sabbath is made for man and not man for the Sabbath.' Radhakrishnan, East and West, Some Reflections, p.73.

[27] Le Dieu un, en effet, et seulement véritablement un, celui qui est la source unique, non seulement de toute vie morale, intelligence, sagesse, justice, amour, c'est un Dieu qui durant des siècles, est resté comme une sorte de Deus Ignotus et qui n'a daaté que dans le coeur de l'homme: c'est Panthée, Panthée est le divin qui réside dans tout ce qui vit et se meut, dans les mortels comme dans les immortels. -- Jules Baissac, Les Origines de la Religion, Tome I, Paris, G. Decaux, Libraire

éditeur, 7 Rue du croissant, 7, 1877, p.77.

[28] Xem bài Thiên Tính trong con người, Vạn Hạnh thiền sư, Cao Đài Giáo Lý, số 78, tr. 23, 27.

[29] Ezechiel, 36,25-27.

[30] Ezechiel, 37, 14.

[31] Joel 2,28. Xem thêm Công vụ sứ đồ, 2, 17-21.

[32] Đồng Tân, Lịch sử Cao Đài, Đại đạo Tam Kỳ Phổ Độ, quyển 2, phần phổ độ, 1926-1927. Cao Hiến xb, 1972, tr.97.

[33] Đàn cơ tại Nam Thành Thánh Thất, giờ Ngọ, Mừng 1, tháng giêng năm kỷ dậu. – Xem Cao Đài Giáo Lý, số 91, tr.31.

[34] Xem Cao Đài Giáo Lý số 91, tr. 31.

[35] Xem: Đại Thừa Chân Giáo, tr. 56, 61; Cao Đài Giáo Lý, số 74 tháng giêng năm Nhâm Tý, tr.5; Cao Đài Giáo Lý, kỷ niệm rằm tháng hai Mậu Ngọ, tr.20.

[36] Cao Đài Giáo Lý, số 93, tr.22.

[37] Cao Đài Giáo Lý, số 93 tr.17.

[38] «Celui qui croit atteindre Dieu en s'enfuyant du monde, quand et où s'attend-il à le rencontrer? Si loin qu'il s'envole, pourra-t-il s'envoler jusque dans le réant lui-même? Non, le lâche qui voulait prendre la fuite ne le trouvera nulle part. Il nous faut avoir assez de courage pour le dire: nous l'atteignons ici même, maintenant, à l'instant. Il nous faut en être sure, de même que dans nos actions, nous nous réalisons, ainsi, en nous-mêmes, nous le réalisons, lui qui est le moi du moi.» -- Tagore, Sadhana, p.130 – Cf. Jean Murphy, Origines et Histoire des Religions, Traduction française de Jacques Marty, Payot Paris, 106 Boulevard St. Germain. 1951, p.312.

[39] Mạnh tử, Tận tâm chương cú thượng: Vạn vật giai bị ư ngã hĩ, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên.  
萬物皆備於我矣,反身而成,樂莫大焉.